

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 12-3 -2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đỗ Duy Toàn**.

2. Ông **Nguyễn Văn Dương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với:

Bị cáo: HOÀNG VĂN H - Sinh ngày: 22-5-1999 tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Tổ 13, thị trấn V, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Hoàng Ngọc M - Sinh năm: 1967; Con bà: Trần Thị Tr - Sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không; Nhân thân: ..

Tiền sự: Có 03 tiền sự:

Ngày 24-02-2020 Hoàng Văn H bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 00034 với mức phạt là Cảnh cáo.

Ngày 08-9-2020 Hoàng Văn H bị Công an xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định số 07 với mức xử phạt là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Bị cáo đã nộp xong khoản tiền phạt nhưng chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Hoàng Văn H hiện đang chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần - cai nghiện ma túy tỉnh H theo Quyết định số 26 ngày 12-10-2020 của Tòa án nhân dân, huyện V, tỉnh H với thời hạn là 24 tháng kể từ ngày 16-10-2020 (*Cơ sở cai nghiện có địa chỉ tại thôn Nà Tr, xã Linh H, huyện V, tỉnh H*). Hôm nay có mặt.

Bị hại: Anh **Nguyễn Đức M**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đông Cáp 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 9 thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt

Người làm chứng:

- Bà **Trần Thị Tr**, sinh năm 1968; Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 12-8-2020 Hoàng Văn H, gọi điện thoại cho Nguyễn Đức M, sinh năm 1995, trú tại thôn Đông Cáp I, thị trấn V, huyện V, tỉnh H để hỏi mượn xe mô tô của M, M đồng ý bảo H đến khu vực tổ 04, thị trấn V, huyện V để lấy xe mô tô. Khoảng 16 giờ cùng ngày H đến khu vực tổ 04, thị trấn V, huyện V thì M đưa xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 2284 của M cho H mượn. Đến ngày 13-8-2020 do không có tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của M để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 11 giờ cùng ngày H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 2284 đến cửa hàng mua bán xe máy B Ng tại tổ 09, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Tại đây H gặp Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại tổ 09, thị trấn V, huyện V, tỉnh H, H đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô này cho T nhưng do xe không có giấy tờ nên T không cầm cố. Sau đó H hỏi vay T số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và để lại chiếc xe mô tô cùng giấy chứng minh nhân dân của H để làm tin. Do quen biết nhau từ trước nên T cho H vay số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Sau khi vay được tiền H đã mang đi tiêu xài cá nhân hết. Về phía M sau khi cho H mượn xe M có gọi điện thoại và nhắn tin đòi lại xe mô tô nhưng H không trả nên ngày 31-10-2020 M đã đến cơ quan chức năng để trình báo sự việc xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 2284 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - xám – đen. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản của Nguyễn Đức M nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 53).

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn H (*Đã chuyển theo hồ sơ vụ án*).

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05-11-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 2284 nhãn hiệu HONDA có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). (BL số 44).

Tại cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Hoàng Văn H khai vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 13-8-2020 tại tổ 04, thị trấn V, huyện V, tỉnh H đã mượn 01 chiếc xe mô

tô BKS 23K1 – 2284 của Nguyễn Đức M, khi đi vay của Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) H đã để chiếc xe mô tô và giấy chứng minh nhân dân của H lại làm tin, số tiền vay được H đã tiêu xài cá nhân hết. Kết quả định giá chiếc xe mô tô trên có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Bị cáo H nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo H để sớm quay về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa ngày hôm nay Nguyễn Đức M nhất trí với lời khai của bị cáo H là đúng, bị hại M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thêm bất cứ khoản gì về phần trách nhiệm dân sự, cam kết sẽ không có khiếu kiện gì về sau. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn T vắng mặt Chủ tọa phiên tòa công bố đơn và lời khai của anh T, khẳng định gia đình bị cáo H đã hoàn trả số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Nay anh T không có yêu cầu bổ sung.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo; bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn H. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 07 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Đức M đã được nhận lại tài sản 01 xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 2284 bị H chiếm đoạt và không yêu cầu H phải bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn T đã nhận của gia đình bị cáo H hoàn trả số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Nay không có yêu cầu bổ sung, nên không xem xét.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 2284 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - xám – đen. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản của Nguyễn Đức M nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 53).

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn H (*Đã chuyển theo hồ sơ vụ án*). Ngày 12- 3-2021 Tòa án đã trả lại cho bị cáo H.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bị cáo H có quan điểm nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Quyền của bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt tù sớm về với cộng đồng và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 13-8-2020 tại tổ 04, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hoàng Văn H đã mượn 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23K1 - 2284 của Nguyễn Đức M sau đó mang chiếc xe mô tô và giấy chứng minh nhân dân của H để lại làm tin vay của Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), số tiền vay H đã tiêu xài cá nhân hết. Kết quả định giá chiếc xe mô tô trên có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Lời khai của bị cáo H phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Hoàng Văn H là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Hoàng Văn H đã lợi dụng lòng tin của bị hại, để mượn chiếc xe mô tô BKS 23K1 – 2284 có giá trị 5.000.000đ. Sau khi có xe mô tô BKS 23K1 – 2284, bị cáo H đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 23K1 – 2284 đang do mình quản lý bằng cách mang ra hiệu cầm đồ cầm vay lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b)...”

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và quá trình điều tra, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường khắc phục toàn bộ trách nhiệm dân sự, bị hại tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh, trật tự, mất lòng tin trong xã hội. Bị cáo H ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và gia đình, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung loại tội phạm này theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

[6] Bị cáo Hải không có thu nhập ổn định, đang đi tập chung cai nghiện theo Quyết định số 26 ngày 12-10-2020 của Tòa án nhân dân, huyện V, tỉnh H với thời hạn là 24 tháng kể từ ngày 16-10-2020 (*Cơ sở cai nghiện có địa chỉ tại thôn Nà Tr, xã Linh H, huyện V, tỉnh H*). Do vậy không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại M đã được nhận lại tài sản bị cáo H chiếm đoạt và không yêu cầu H phải bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T đã nhận đủ số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) của gia đình nhà H trả lại, không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường trách nhiệm dân sự. HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Về vật chứng vụ án:

[10] 01 xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 2284 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - xám – đen. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản của Nguyễn Đức M nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 53).

[11] 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn H (*Đã chuyển theo hồ sơ vụ án*). Ngày 12- 3-2021 Tòa án đã trả lại cho bị cáo H vì đây là giấy tờ cá nhân.

[12] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[14] Đối với Nguyễn Văn T, trú tại tổ 9, thị trấn V, huyện V, tỉnh H là người đã cho H vay số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và nhận chiếc xe mô tô biển kiểm soát do H để lại làm tin. Khi cho vay tiền T không biết chiếc xe mô tô của H để lại làm tin là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 122 đến 125).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên xử bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo H đi chấp hành án phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Vật chứng: Không

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Bị cáo Hoàng Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (ngày 12-3-2021)

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp H;
- Chi cục Thi hành án huyện dân sự huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

Lâm Anh Luyện

